

Bản án số:06/2021/DS-ST  
Ngày: 21 – 01 – 2021  
“V/v Tranh chấp hợp đồng  
dân sự về mua bán và vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**  
2. Ông **Trương Thanh Giảng**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Xuân Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2020/TLST-DS Ngày 29 tháng 10 năm 2020: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán và vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Quốc T** – Chủ hộ kinh doanh cá thể T.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1981 (theo văn bản ủy quyền ngày 19/01/2021) có mặt.

Địa chỉ: Số 04/A ấp T, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thúy L**, sinh năm 1971, có mặt.

Và ông **Phạm Duy M**, sinh năm 1968, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông T là chủ hộ kinh doanh cá thể T có bán phân bón thuốc trừ sâu cho ông M, bà L từ thời gian 25/4/2019 đến 25/9/2019 còn thiếu 70.000.000đ, ngoài ra có cho vợ chồng bà L vay thêm 40.000.000đ, hai bên có thống nhất số tiền còn nợ là

110.000.000đ, hai bên có làm giấy nhận nợ. Đến nay vợ chồng ông M, bà L không chịu trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M trả số tiền còn nợ phân thuốc bảo vệ thực vật và tiền vay tổng cộng là 110.000.000đ; không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả một lần hết số nợ nêu trên.

Bị đơn nợ tiền của cửa hàng T, tại phiên tòa bà T tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn cũng thống nhất không yêu cầu Tòa án đưa bà Nguyễn Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**Bị đơn bà Trần Thúy L trình bày:** Vợ chồng bà thừa nhận có nợ của ông Thịnh số tiền 110.000.000đ, trong đó tiền nợ lúa giống và phân bón là 10.000.000đ và 100.000.000đ tiền vay. Vợ chồng bà có đóng lãi 7.000.000đ/ tháng, đóng được 05 tháng thì không đóng nữa nên mới viết giấy nợ cho anh Thịnh.

Cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn nên xin trả dần và mong anh Thịnh không tính thêm lãi nữa. Mong anh Thịnh tạo điều kiện cho vợ chồng bà trả dần. Khi nào có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu.

**Bị đơn ông Phạm Duy Mến trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:** Vợ chồng ông có vay của anh Thịnh 100.000.000đ và thiếu 10.000.000đ tiền lúa giống và phân bón. Vợ chồng ông có đóng lãi 7.000.000đ/ tháng, có đóng được 05 tháng thì không đóng nữa nên mới viết giấy nhận nợ cho anh T.

Về cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn nên xin trả dần và mong anh T không tính lãi nữa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bà L thống nhất tổng số nợ gốc là 110.000.000đ, không yêu cầu xem xét tiền lãi đã đóng và chưa đóng nhưng không thống nhất cách trả nợ.

**Phát biểu của Kiểm sát viên:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Ông Phạm Duy M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán và vay tài sản được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả số tiền 110.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Phía bà L, ông M cũng thừa nhận vợ chồng ông, bà có vay và mua bán lúa giống, phân bón nên hiện còn nợ cửa hàng T số tiền nêu trên. Mặt khác việc nợ tiền còn thể hiện bằng giấy nhận nợ ngày 25/9/2019 với số tiền là 110.000.000đ. Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà L ông M trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 110.000.000đ.

[4] Xét yêu cầu của bà L, ông M về việc xin trả dần số nợ là không có cơ sở chấp nhận được, do yêu cầu của ông, bà không được ông T đồng ý. Hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thoả thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[5] Đối với phần trình bày của bà L, ông M cho rằng ông, bà đóng lãi 7.000.000đ/ tháng, đã đóng được 05 tháng thì không đóng nữa nên mới viết giấy nhận nợ cho ông T, nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đối với phần lãi vay do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L, ông M bị buộc trả số tiền 110.000.000đ, nên phải chịu án phí.

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tạm ứng án phí.

***Vì các lẽ trên;***

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 430, 440, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**1. Tuyên xử:** Buộc bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc T – là chủ hộ kinh doanh cá thể T số tiền là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

**2. Về án phí :** Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Quốc T – là chủ hộ kinh doanh cá thể T được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.750.000đ (Hai triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000273 ngày 29/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

**3.** Báo cho những người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2020). Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành án Dân sự H. KL ;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Minh**